

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 16 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Bản án số: 113/2026/HS-ST

Ngày 19- 3-2026

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Ngọc Phương – cán bộ nghỉ hưu

2. Ông Huỳnh Hoàng Thuận – Giáo viên Trường THCS Trần Văn Ôn.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Lê Trung Hiếu – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Út – Kiểm sát viên trung cấp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc V - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 3 năm 2026, Tòa án nhân dân Khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử kín sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 70/2026/TLST-ST ngày 06 tháng 02 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 107/2026/QĐXXST- HS ngày 04 tháng 3 năm 2026 đối với bị cáo:

Ha Mích S (tên gọi khác: D), sinh năm 1977 tại tỉnh An Giang; nơi thường trú: tổ A, khu phố M, thị trấn M, huyện C, tỉnh Kiên Giang (nay là xã C, tỉnh An Giang); nghề nghiệp: làm nghề tự do; trình độ học vấn: 7/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Chăm; tôn giáo: Hồi giáo; giới tính: nam; con ông Y S1, sinh năm 1956 và bà A Mi N (đã chết); tiền án: Ngày 19/10/1998, bị Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 3 - An Giang) xử phạt 06 tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”, theo Bản án hình sự sơ thẩm số 19/1998/HSST, chấp hành án tại Trại giam K Bộ C, chấp hành xong hình phạt tù ngày 04/02/1999, bị cáo chưa đóng án phí; Ngày 27/6/2012, bị Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 3 - An Giang) xử phạt 15 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”, theo Bản án Hình sự sơ thẩm số 38/2012/HSST, chấp hành án tại Trại giam K Bộ C, chấp hành xong hình phạt tù ngày 15/6/2013, bị cáo chưa đóng án phí và bồi thường trách nhiệm về dân sự; tiền sự: không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/3/2025, có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Từ Thiện T, sinh năm 1988 – Luật sư thuộc Đoàn Luật sư tỉnh B (nay là Đoàn Luật sư Thành phố H) – Văn phòng L – Chi nhánh T3. Có mặt.

- *Bị hại*: Cháu Phạm Nguyễn Ngọc T1, sinh ngày 17/8/2009.

Người đại diện hợp pháp: Bà Phạm Thị Kim T2, sinh năm 1985; nơi cư trú: 4 N, khu phố B, phường A, thành phố D, tỉnh Bình Dương (nay là phường D, Thành phố Hồ Chí Minh) và ông Nguyễn Đức M; trú tại: Ấp G, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang (nay là Ấp G, xã T, tỉnh Đồng Tháp). Có mặt em T1 và bà T2 vắng mặt có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, ông M Vắng mặt.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại*: Ông Nguyễn Tiến D, sinh năm 1988; trú tại: 7 khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh) là Trợ giúp viên pháp lý – Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh B (nay là Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước Thành phố H). Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ha Mích S và bà Phạm Thị Kim T2 chung sống với nhau như vợ chồng (không đăng ký kết hôn) tại Phòng trọ số 4, thuộc nhà số H, Đường số B, khu phố B, phường A, thành phố D, tỉnh Bình Dương (nay là phường D, Thành phố Hồ Chí Minh), có 01 người con chung là H, sinh năm 2022; còn cháu Phạm Nguyễn Ngọc T1, sinh ngày 17/8/2009, là con riêng của bà Phạm Thị Kim T2 và ông Nguyễn Đức M (bà T2 và ông M không đăng ký kết hôn). Cháu Phạm Nguyễn Ngọc T1 sinh sống cùng ông Nguyễn Đức M tại Ấp G, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang (nay là Ấp G, xã T, tỉnh Đồng Tháp). Khoảng tháng 02/2025, cháu T1 lên sinh sống cùng bà T2 và bị cáo Ha Mích S tại phòng trọ số D, thuộc nhà số H, Đường số B, khu phố B, phường A, thành phố D, tỉnh Bình Dương (nay là phường D, Thành phố Hồ Chí Minh).

Khoảng 06 giờ 30 phút ngày 01/3/2025, chị T2 đi bán vé số, Ha Mích S thức dậy chốt cửa phòng trọ, lúc này cháu T1 và cháu H đang ngủ dưới nền nhà trọ. Do S nảy sinh ý định quan hệ tình dục với cháu T1 nên S đi đến ngồi kế bên cháu T1 đang nằm ngủ và dùng tay phải sờ lên trên ngực của cháu T1. Cháu T1 giật mình ngồi dậy và hỏi “Chú làm gì vậy?” thì S nói “Làm tình dục với chú đi rồi chú cho tiền mua cái điện thoại” nhưng T1 không đồng ý và nói “Thôi mẹ không cho, có gì vài ngày nữa lãnh lương rồi con mua”. S dùng tay đẩy cháu T1 nằm xuống nền gạch, cháu T1 đẩy Ha Mích S ra và la lên “Mẹ về tới” nhưng S vẫn tiếp tục ngồi đè lên người cháu T1, dùng hai chân kẹp cháu T1 lại và kéo áo ngực của cháu T1 lên sờ vào ngực, âm hộ rồi đưa ngón tay vào trong âm đạo của cháu T1, cháu T1 nói “Mẹ về tới, mẹ về tới” thì S nói lại “Mẹ mày 12 giờ mới về”. S tiếp tục kéo quần cháu T1 xuống và tự cởi quần của mình ra rồi đưa dương vật vào trong âm đạo của cháu T1 để giao cấu, do bị đau nên cháu T1 la lên “Tôi méc mẹ” thì S rút dương vật ra và dặn cháu T1 “Đừng méc mẹ có gì chú mua cho cái điện thoại mới”, cháu T1 ngồi dậy mặc quần áo rồi mở cửa phòng trọ chạy đi tìm chị T2 để kể lại sự việc.

Khoảng 20 giờ ngày 04/3/2025, chị T2 và cháu T1 đến Công an phường A, thành phố D, tỉnh Bình Dương (nay là Công an phường D, Thành phố Hồ Chí Minh) để trình báo về sự việc trên.

Ngày 05/3/2025, Ha Mích S đến Công an phường A, thành phố D, tỉnh Bình Dương (nay là Công an phường D, Thành phố Hồ Chí Minh) đầu thú và khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Tại Bản Kết luận giám định xâm hại tình dục số 0196.02/KLTDTE-TTPYĐN ngày 07/3/2025 của Trung tâm pháp y – Sở Y tế tỉnh Đ, kết luận giám định đối với bị hại Phạm Nguyễn Ngọc T1 như sau:

“Màng trinh hình chớp, đường kính lỗ trinh 0,9cm, màng trinh không rách, bờ mép, thân và chân màng trinh không phù nề, không sung huyết, không chảy máu; không tìm thấy tinh trùng trong dịch âm đạo”.

Tại Bản Cáo trạng số 591/CT-VKS-P2 ngày 29 tháng 01 năm 2026 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh truy tố bị cáo Ha Mích S về tội “Hiếp dâm người dưới 16 tuổi” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 142 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017 và năm 2025).

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm g khoản 2 Điều 142 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017 và năm 2025) xử phạt bị cáo Ha M1 S mức hình phạt tù 13 (mười ba) năm tù đến 14 (mười bốn) năm tù về tội “Hiếp dâm người dưới 16 tuổi”.

Tại phiên tòa người bào chữa cho bị cáo trình bày: Bị cáo thành khẩn khai báo ăn năn hối cải; bị cáo là người dân tộc, trình độ học vấn thấp và cũng đồng ý bồi thường cho bị hại số tiền 10.000.000 đồng, hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn, cha đã già trên 70 tuổi nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên tòa người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử bị cáo mức án nghiêm minh để nhằm giáo dục và phòng ngừa chung cho xã hội. Bị hại là trẻ em cần được bảo vệ hơn nữa bị hại là con ruột của bà T2 chung sống với bị cáo như vợ chồng.

Về trách nhiệm dân sự:

Bà Phạm Thị Kim T2 (mẹ ruột cháu Phạm Nguyễn Ngọc T1) người đại diện hợp pháp của cháu T1 yêu cầu bị cáo Ha M1 S bồi thường tổn thất về tinh thần với số tiền 10.000.000 đồng, tại phiên tòa bị hại; người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại; bị cáo thống nhất bồi thường số tiền 10.000.000 đồng nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Tại phiên tòa, bị cáo không tranh luận với đại diện Viện kiểm sát trong lời nói sau cùng bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình

sự. Quá trình tố tụng và tại phiên tòa, bị cáo; bị hại; người đại diện hợp pháp của bị hại; người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại; người bào chữa cho bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Về nội dung:

Căn cứ vào lời khai của bị cáo; bị hại; người đại diện hợp pháp của bị hại và các chứng cứ tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, xác định: Khoảng 06 giờ 30 phút ngày 01/3/2025, tại Phòng trọ số D, thuộc nhà số H, Đường số B, khu phố B, phường A, thành phố D, tỉnh Bình Dương (nay là phường D, Thành phố Hồ Chí Minh) Ha Mích S đã có hành vi giao cấu với em Phạm Nguyễn Ngọc T1, sinh ngày 17/8/2009, tại thời điểm Ha Mích S thực hiện hành vi hiệp dâm em Nguyễn Ngọc T1 được 15 tuổi 6 tháng 12 ngày. Như vậy, hành vi trên đây của bị cáo lợi dụng lúc cháu Phạm Nguyễn Ngọc T1 là người chưa đủ 16 tuổi, không có khả năng tự vệ để thực hiện hành vi giao cấu với cháu Nguyễn Ngọc T1 đã đủ yếu tố cấu thành tội “Hiệp dâm người dưới 16 tuổi”.

Bản án hình sự sơ thẩm số 19/1998/HS-ST ngày 19/10/1998 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 3 - An Giang) đã xử phạt bị cáo Ha M1 S 06 tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”, bị cáo chưa chấp hành xong bản án; Bản án Hình sự sơ thẩm số 38/2012/HS-ST ngày 27/6/2012 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 3 - An Giang) xử phạt bị cáo 15 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích” đã xác định bị cáo phạm tội thuộc trường hợp là tái phạm, bị cáo chưa chấp hành xong bản án, chưa được xóa án tích, nay bị cáo lại cố ý thực hiện hành vi phạm tội là thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm, là tình tiết định khung theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 142 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017 và năm 2025).

Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật. Mức đề nghị hình phạt của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp với hành vi bị cáo đã thực hiện nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng, gây nguy hiểm cho xã hội, bị cáo có đầy đủ năng lực hành vi, nhận thức được hành vi của mình thực hiện là vi phạm pháp luật, trái đạo đức xã hội. Nhưng chỉ vì ham muốn sinh lý của bản thân, bị cáo đã lợi dụng sự non nớt thiếu hiểu biết, chưa phát triển đầy đủ về thể chất và tinh thần, không thể tự bảo vệ của bị hại để thực hiện hành vi giao cấu với bị hại. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến quyền bất khả xâm phạm về tình dục đối với trẻ em, ảnh hưởng danh dự, nhân phẩm, sức khỏe của trẻ em được pháp luật bảo vệ, làm ảnh hưởng đến quá trình phát triển về tâm sinh lý của bị hại; đồng thời gây mất trật tự, trị an tại địa phương, xâm hại đến T4. Do đó cần áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc, tương xứng với tính chất, hành vi bị cáo đã thực hiện có xem xét đến tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, mức

độ hành vi, hậu quả của tội phạm, nhân thân của bị cáo nhằm giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017 và năm 2025).

[6] Xét quan điểm bào chữa của người bào chữa cho bị cáo có cơ sở 01 phần nên Hội đồng xét xử chấp nhận 01 phần. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo; bị hại và người đại diện hợp pháp của bị hại thống nhất bị cáo phải bồi thường cho bị hại số tiền 10.000.000 đồng nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[8] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về trách nhiệm hình sự:

Tuyên bố bị cáo Ha M1 S phạm tội “Hiếp dâm người dưới 16 tuổi”. Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 142; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017 và năm 2025).

Xử phạt bị cáo Ha M1 S 13 (mười ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Hiếp dâm người dưới 16 tuổi”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 05/3/2025.2. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Ha Mích S phải bồi thường cho bị hại em Nguyễn Ngọc T1 số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong, nếu người phải thi hành án chậm thi hành thì còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí:

Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Bị cáo Ha M1 S phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại có mặt, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Người đại diện hợp pháp của bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo

bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

5. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Bị cáo (01);
- VKSND Khu vực 16-Thành phố Hồ Chí Minh (01);
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh (01);
- Phân trại tạm giam Lái Thiêu, Trại tạm giam Bó Lá, Công an TP.Hồ Chí Minh;
- Phòng THADS Khu vực 16-TP. Hồ Chí Minh (01);
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh (01);
- Công an TP. Hồ Chí Minh (cấp Lý lịch tư pháp) (01);
- UBND nơi cư trú của bị cáo (01);
- Lưu VT, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Thu

